TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Quyết định tái thẩm
Số: 63/2021/DS-TT
Ngày: 16/3/2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân.

Các thẩm phán: Ông H Thanh Dũng.

Ông Đặng Văn Thành.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa tái thẩm vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà Viên Thị Thanh L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn PD, huyện NP, tỉnh NT.

2. ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1983;

Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1981;

Cùng trú địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn PD, huyện NP, tỉnh NT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/4/2017, Bản trình bày ngày 01/6/2017, nguyên đơn bà Viên Thị Thanh L trình bày :

Năm 2015, bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Nguyễn Quốc H vay của bà nhiều lần, mỗi lần từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, vay 05 đến 10 ngày thì trả, lãi suất theo ngày 1.500đ/1.000.000 đồng/ngày, hai bên thực hiện vay và trả đầy đủ, không phát sinh tranh chấp.

Đến cuối tháng 12/2015, vợ chồng bà O, ông H đến nhà giao cho bà 01

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 217897 cấp ngày 31/12/2009 (gắn với ngôi nhà vợ chồng bà O, ông H đang ở) để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tuần. Sau đó vợ chồng bà O, ông H hứa hẹn nhưng không trả gốc và lãi cho bà. Ngày 30/6/2016, bà O viết giấy nợ cho bà, nhưng không đồng ý sang nhượng nhà, đất để trừ bớt một phần nợ. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà O trả cho bà 3.000.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất do Nhà nước quy định.

Tại Biên bản hòa giải và Biên bản hòa giải thành cùng ngày 19/6/2017, bà L xác nhận: Bà O có trả được 100.000.000 đồng, nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà O, ông H trả 2.900.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày tại Bản tự khai ngày 16/6/2016 và tại Biên bản hòa giải ngày 19/6/2017 như sau:

Vào cuối tháng 12/2015, bà có vay của bà L số tiền 2.900.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tuần sau trả, nhưng do làm khó khăn nên không có khả năng trả. Ngày 30/6/2016, bà viết giấy mượn nợ của bà L và giao cho bà L sổ đỏ đứng tên bà và chồng bà là ông Nguyễn Quốc H để tạo niềm tin. Việc mượn tiền trước đây chồng bà không biết cho đến khi bà mất khả năng thanh toán; nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền trên.

Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 19/6/2017, ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Ông xác nhận vợ chồng ông có vay tiền của bà L vài lần để đáo hạn ngân hàng, sau này vợ ông đến nhà bà L vay số tiền 3.000.000.000 đồng và dùng sổ đỏ đứng tên ông làm tín chấp để vay tiền. Việc bà O vợ ông đi vay, ông không trực tiếp đi vay và không biết cho đến khi vỡ nợ bà L đến đòi nợ thì ông mới biết được. Nay bà L khởi kiện ông đồng ý trả nợ cho bà L.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2017/QĐST-DS ngày 27/6/2017, Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT quyết định:

Nguyên đơn bà Viên Thị Thanh L yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc O, ông Nguyễn Quốc H phải trả số tiền nợ gốc là 2.900.000.000 đồng cho bà L và bà L không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Nguyễn Quốc H đồng ý trả số tiền nợ gốc là 2.900.000.000 đồng cho bà Viên Thị Thanh L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 18/11/2019, ông Nguyễn Quốc H có đơn tố cáo cho rằng Thẩm phán, Thư ký tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ việc không đúng trình tự thủ tục, có

hành vi làm khống, ngụy tạo chứng cứ.

Tại Văn bản số 541/VKSTC-C1(P 5) ngày 26/5/2020 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét kháng nghị đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2017/QĐST-DS ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT với lý do:

Thư ký Tòa án lập các Biên bản họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, Biên bản hòa giải, Biên bản hòa giải thành cùng ngày 19/6/2017 không có mặt các đương sự và Thẩm phán, cho đương sự ký khống vào các biên bản này. Tự ý ghi thêm một đoạn vào biên bản lấy lời khai của ông H ngày 19/6/2017; không sao gửi Biên bản hòa giải thành và Quyết định công nhận sự thỏa thuận cho các đương sự.

Thời gian này Thẩm phán giải quyết vụ án đang ở Hà Nội để thi Thẩm phán trung cấp, không có mặt tại thời điểm họp công khai chứng cứ và hòa giải. Khi về thì ký hoàn tất thủ tục để ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Hành vi của Thẩm phán Hán Văn Nhuận và Thư ký Quảng Thị Thái Bình có dấu hiệu của tội "Ra quyết định trái pháp luật".

Tại Quyết định số 19/QĐKNTT-VKS-DS ngày 17/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2017/QĐST-DS ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tái thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tháng 12/2015, bà Nguyễn Thị Ngọc O vay của bà Viên Thị Thanh L số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tuần. Để làm tin, bà O giao cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 217897 do Ủy ban nhân dân huyện NP, tỉnh NT cấp cho vợ chồng bà O và ông Nguyễn Quốc H đứng tên ngày 31/12/2009. Sau đó bà O không có khả năng thanh toán nên ngày 30/6/2016, bà O lập giấy nhận nợ với nội dung: "*Tôi tên: Nguyễn Thị Ngọc O…có mượn của chị Viên Thị Thanh L với số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) để đáo hạn ngân hàng*". Trong quá

trình giải quyết vụ án, bà O đều thừa nhận có vay tiền của bà L và các bên xác nhận đã thanh toán 100.000.000 đồng, còn nợ 2.900.000.000 đồng.

[2] Ông Nguyễn Quốc H là chồng bà O tố cáo cho rằng ông không liên quan đến khoản nợ bà O vay của bà L, không đồng ý trả nợ cho bà L, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận không đúng ý kiến của ông để buộc ông cùng bà O trả nợ cho bà L là không đúng, xét thấy:

[2.1] Tại Biên bản lấy lời khai của Thư ký Tòa án bà Quảng Thị Thái Bình ngày 19/02/2020 (Bút lục 107, tập Hồ sơ của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao), bà Bình khai nhận: "*Trong biên bản ghi lời khai ông H ngày 19/6/2017 tôi có ghi thêm nội dung đoạn cuối của biên bản bắt đầu từ đoạn: Hiện nay vợ tôi đã trả được 100.000.000 đồng cho bà L*". Tại Biên bản lấy lời khai của ông H ngày 18/02/2020 (Bút lục 49, tập hồ sơ của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao), ông H trình bày: "*...tôi chỉ khai tới đoạn sau này vỡ nợ bà L đến đòi nợ thì tôi mới biết được*". Đối chiếu lời khai của bà Bình và ông H thì chưa rõ bà Bình ghi bổ sung những phần nào, nội dung gì trong Biên bản lấy lời khai này, nhưng việc Thư ký Tòa án lấy lời khai, ghi bổ sung thêm nội dung ngoài lời khai và ngoài sự chứng kiến của ông H là trái quy định tại Điều 98 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên có cơ sở xác định biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2017 không thể hiện chính xác lời trình bày của ông H.

[2.2] Tại Biên bản lấy lời khai của bà Bình (Thư ký Tòa án) ngày 19/02/2020 (Bút lục 107, tập Hồ sơ của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao), bà Bình thừa nhận: "*Đúng là bà O đã ký khống vào biên bản hòa giải thành mà tôi chưa ghi ngày nên mới có chữ ký của bà O vào biên bản hòa giải thành ngày 19/6/2017*". Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020, bà Bình khai: "*Tuy nhiên, ngày 16/6/2017, chỉ có bà L và bà O đến…tôi ghi nhận lại lời khai của bà L và bà O vào biên bản. Thực chất trong buổi làm việc này không có Thẩm phán tham gia và ông Nguyễn Quốc H không có mặt. Tôi đưa tờ biên bản hòa giải cho bà L và bà O ký vào chưa để ngày tháng lập biên bản. Đến ngày 19/6/2017, ông H đến Tòa án cùng với bà L, tôi tiếp tục lập biên bản hòa giải đã làm dang dỡ chưa có ý kiến của ông H, sau đó tôi tiếp tục đánh máy ý kiến của ông H tiếp theo ý kiến của bà L và bà O… Sau đó tôi đưa cho ông H xem và ký vào biên bản, lúc này đã có chữ ký của bà L, bà O trước đó*". Tại biên bản lấy lời khai của ông Hán Văn Thuận (Thẩm phán) ngày 13/5/2020 (Bút lục 119, tập Hồ sơ của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao) thể hiện: "*Đến ngày 19/6/2017, do tôi bận việc nên không tham gia hòa giải mà giao cho Thư ký tiến hành*". Do đó, có căn cứ để khẳng định bà Bình (Thư ký Tòa án) đã lập Biên bản hòa giải, Biên bản hòa giải thành ngày 19/6/2017 không trên cơ sở có mặt đầy đủ các đương sự, không có mặt của Thẩm phán chủ trì, cho đương sự ký trên một mặt giấy riêng biệt và kết nối phần nội dung của biên bản bằng dấu giáp lai của Tòa án mà không cho đương sự ký vào từng trang của biên bản, nên

nội dung các biên bản không đảm bảo tính chính xác, tính khách quan của lời trình bày của các đương sự.

[3] Việc ông Hán Văn Thuận (Thẩm phán) giao cho bà Quảng Thị Thái Bình (Thư ký Tòa án) tiến hành tổ chức phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, lấy lời khai của đương sự là không đúng quy định tại các Điều 48, 51, 98, 208, 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Thẩm phán không kiểm tra, đối chiếu mà ký hoàn thiện tài liệu chứng cứ do Thư ký Tòa án thu thập trái quy định của pháp luật để ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là không đảm bảo về nội dung, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy Quyết định kháng nghị tái thẩm số 19/QĐKNTT-VKS-DS ngày 17/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 351, 352, 356 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị tái thẩm số 19/QĐKNTT-VKS-DS ngày 17/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2017/QĐST-DS ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- Vụ pháp chế và QLKH TANDTC;
- TAND tỉnh NT;
- TAND huyện NP, T. NT;
- Chi cục THADS huyện NP, T. NT;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GĐKT, HSVA.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân